

MỤC LỤC

Table of Contents

Biểu tượng trong thơ Đinh Thị Thu Vân <i>Symbols in Dinh Thi Thu Van's poetry</i> Hoàng Sĩ Nguyên, Phan Hoàng Vân	1
Chức năng giáo dục trong các sáng tác viết cho thiếu nhi của Hoàng Văn Bôn <i>The educational function in Hoang Van Bon's compositions for children</i> Lê Thúy An	10
Xung đột văn hóa trong tiểu thuyết “Năm lá quốc thư” của Hồ Anh Thái <i>Cultural conflicts in the novel “Five national letters” by Ho Anh Thai</i> Bùi Quang Khải	21
Thi phái tượng trưng Pháp – những nẻo đường sáng tạo <i>French symbolic poetry – The ways of creation</i> Hồ Văn Quốc	29
Một biểu hiện thay đổi thẩm mỹ của chủ nghĩa hiện thực Pháp cuối thế kỷ XIX <i>A modified form of aesthetic France literary realism in the late XIXth century</i> Hà Thị Thu Phương, Đinh Công Viễn Phương, Hoàng Phan Bá Phương	42
Hình tượng đám đông trong một số tiểu thuyết của Diêm Liên Khoa <i>The crowd in Yan Lianke's novels</i> Nguyễn Thị Tuyết, Chế Thị Ngọc Hân	55
Phương thức cải biên cốt truyện từ tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc sang sân khấu cải lương Việt Nam <i>Method of plot adaptation from classical Chinese novels to Vietnamese Cai luong theater</i> Đặng Ngọc Ngân	68
Già hoá dân số và xu hướng già hoá dân số ở Việt Nam <i>Population ageing and population ageing tendency in Vietnam</i> Nguyễn Thị Minh Hoà, Hà Tuấn Anh	80

- Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách nội địa đối với chất lượng dịch vụ du lịch sinh thái tỉnh Cà Mau** 93
Factors affecting domestic tourist satisfaction on ecotourism service quality in Ca Mau Province, Vietnam
Bùi Nhất Vương, Nguyễn Thị Thanh Huyền
- Nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật (TE) trong sản xuất táo ta quy mô nông hộ tại huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận, niên vụ 2019-2020** 105
Factors affecting technical efficiency (TE) in farmer – scale jujube cultivation in Ninh Phuoc District, Ninh Thuan Province, crop year 2019 - 2020
Nguyễn Thị Trà, Đặng Tường Anh Thư, Nguyễn Hữu Lộc, Phạm Trung Hậu, Trần Hoài Nam
- Tối ưu hóa chế độ sấy sản phẩm jerky làm từ thịt cá sấu** 118
Optimization of air drying condition for Crocodile (Crocodylinae) jerky
Bùi Văn Miên, Lê Trung Thiên
- Nghiên cứu tách sáp trong cám trước khi trích ly dầu trong quy trình sản xuất dầu cám gạo trung hòa** 133
Study on wax separation in rice bran before oil extraction in the production process of neutralized rice bran oil
Lâm Đức Cường

GIÀ HÓA DÂN SỐ VÀ XU HƯỚNG GIÀ HÓA DÂN SỐ Ở VIỆT NAM

Nguyễn Thị Minh Hòa¹, Hà Tuấn Anh²

¹Trường Đại học Lao động Xã hội

²Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Email: nguyenthiminhhoa1212@yahoo.com

Ngày nhận: 12/5/2021; Ngày duyệt đăng: 12/8/2021

Tóm tắt

Già hóa dân số là hiện tượng toàn cầu, diễn ra ở cả nước phát triển và đang phát triển nhưng với tốc độ khác nhau, và là một trong những hiện tượng biến đổi xã hội quan trọng nhất của thế kỷ 21. Già hóa dân số đang trở thành một trong những chủ đề được quan tâm không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới. Sử dụng dữ liệu thứ cấp của các cơ quan, tổ chức Quốc tế và Việt Nam, bài viết tập trung phân tích, làm rõ xu hướng già hóa trên thế giới và ở Việt Nam thông qua biến động mức sinh, tuổi thọ, chỉ số già hóa, tuổi trung vị và tỷ số hỗ trợ tiềm năng. Nghiên cứu cũng chỉ ra một số đặc điểm của dân số già ở Việt Nam như: tốc độ già hóa nhanh, khác biệt theo vùng miền, già hóa ở nông thôn cao và nghiêng về nữ giới, tỷ lệ người cao tuổi vẫn tiếp tục làm việc khá cao và số năm sống khỏe mạnh vẫn còn thấp, ... làm nảy sinh một số vấn đề về kinh tế-xã hội, từ đó đề xuất các định hướng ứng phó với vấn đề già hóa.

Từ khóa: Già hóa dân số, xu hướng già hóa dân số, Việt Nam

Population aging and population aging tendency in Vietnam

Abstract

Population aging is a global phenomenon that takes place in both developed and developing countries at different rates which is one of the most significant social change phenomena of the 21st century. Population aging is becoming one of the topics of concern not only in Vietnam but around the world. Using secondary data of international and Vietnamese agencies and organizations, the article focuses on analyzing and clarifying the aging trend in the world and in Vietnam through fluctuations in fertility, life expectancy, aging number, median age and potential support ratio. The study also pointed out some characteristics of the aging population in Vietnam such as: rapid aging rate, differs by region, rural aging is high and skewed towards women, the proportion of elderly people who continue to work is quite high and the number of years of healthy life is still low ect .. These give rise to a number of socio-economic problems, thereby proposing orientations to cope with the aging problem.

Keywords: Population aging, population aging tendency, Vietnam

1. Đặt vấn đề

Thế kỷ XXI là thời điểm mà thế giới chứng kiến một sự kiện biến đổi nhân khẩu học đặc biệt, chưa từng có trong lịch sử - Già hóa dân số. Mức sinh giảm, tuổi thọ tăng và sự gia tăng của các nhóm dân số già có số lượng người đông đang khiến tỷ lệ người cao tuổi tăng trên toàn thế giới (Bloom và Luca, 2016). Nói một cách khác, già hóa dân số có thể được gây ra bởi nhiều yếu tố: ví dụ, do người dân sống lâu hơn hoặc do giảm số lượng người trong nhóm tuổi trẻ hơn.

Trong một tập hợp dân số không tính đến biến động do di cư, theo Bloom và cộng sự (2010), có ba yếu tố chính đằng sau sự gia tăng trong quá khứ và tương lai của tỷ lệ dân số già: (1) Mức sinh giảm đã làm giảm số lượng tương đối thanh niên và làm tăng tỷ lệ người cao tuổi; (2) Khi số lượng người sống đến tuổi 60 và cao hơn thế, số lượng người cao tuổi tuyệt đối sẽ tăng lên; (3) Sự khác biệt về mức sinh và mức chết trong quá khứ. Ví dụ, bùng nổ trẻ em do mức sinh gia tăng sau chiến tranh.

Các nhà nhân khẩu học định nghĩa “*Già hóa dân số là khi độ tuổi trung vị của dân số ngày càng tăng hoặc sự thay đổi cơ cấu tuổi của dân số, mà vì vậy người cao tuổi ngày càng hiện diện nhiều hơn trong cơ cấu tuổi chung của một quốc gia*” (Shrestha, 2000). “*Già hóa dân số phản ánh quá trình chuyển đổi cơ cấu dân số theo hướng tăng tỷ trọng dân số già, được thể hiện qua chỉ số già hóa*” (Tổng cục Thống kê, 2019).

Trên thực tế, có rất nhiều thước đo để đánh giá già hóa dân số, như tuổi theo thời gian (tuổi thọ), sức khỏe (số năm sống khỏe mạnh), khả năng lao động (tham gia lực lượng lao động, tỷ số phụ thuộc, tuổi hưu),... và ngày càng được phát triển thêm

(Skirbekk và cộng sự, 2019), tuy nhiên, không thể phủ nhận việc già hay trẻ hóa của dân số trước hết phải liên quan đến sự phân bố của nhóm dân số gia tăng tuổi tác theo thời gian.

Khó khăn chính trong việc xác định quy mô tương đối của các quần thể già hơn nằm ở việc xác định độ tuổi mà một cá nhân trở thành người cao tuổi. Do đó, việc tính toán chỉ số già hóa hay phân loại dân số già của các quốc gia hay vùng lãnh thổ sẽ phụ thuộc vào việc xác định độ tuổi này. Nhiều quốc gia trên thế giới lấy ngưỡng người già từ 65 tuổi trở lên (UN, 2019), trong khi đó những quốc gia khác sử dụng độ tuổi từ 60 trở lên để phân loại người cao tuổi (UN, 2013), và hiện Việt Nam cũng áp dụng độ tuổi này (Quốc hội, 2009).

Dân số được coi là “già hóa” khi tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên chiếm 10% dân số; tỷ lệ tương ứng cho “già”, “rất già” và “siêu già” là 20%, 30% và 35% (UNFPA Vietnam, 2011). Tương tự như quy ước chung của thế giới, hiện Việt Nam cũng tính toán “*Chỉ số già hóa là tỷ số giữa dân số 60 tuổi trở lên so với dân số dưới 15 tuổi tính theo phần trăm*” (Tổng cục Thống kê, 2019).

Có sự mâu thuẫn giữa các văn bản luật định và thực tế cũng như cách tính toán chỉ tiêu thống kê ở Việt Nam. Đơn cử như Luật Người cao tuổi của Việt Nam quy định công dân từ đủ 60 tuổi trở lên là người cao tuổi, Bộ Luật Lao động 2019 (sửa đổi) (Quốc Hội, 2019) hiện cũng mới đưa đề xuất cải cách nâng tuổi nghỉ hưu (trước đây tuổi nghỉ hưu của Nam là 60 và Nữ là 55), trong khi đó, theo các báo cáo thống kê thì lực lượng lao động vẫn quy ước là nhóm dân số từ 15-64. Tức lao động nữ chưa già đã nghỉ hưu còn lao động nam thì đã già nhưng vẫn đi làm. Như vậy, vô hình chung sẽ gây khó

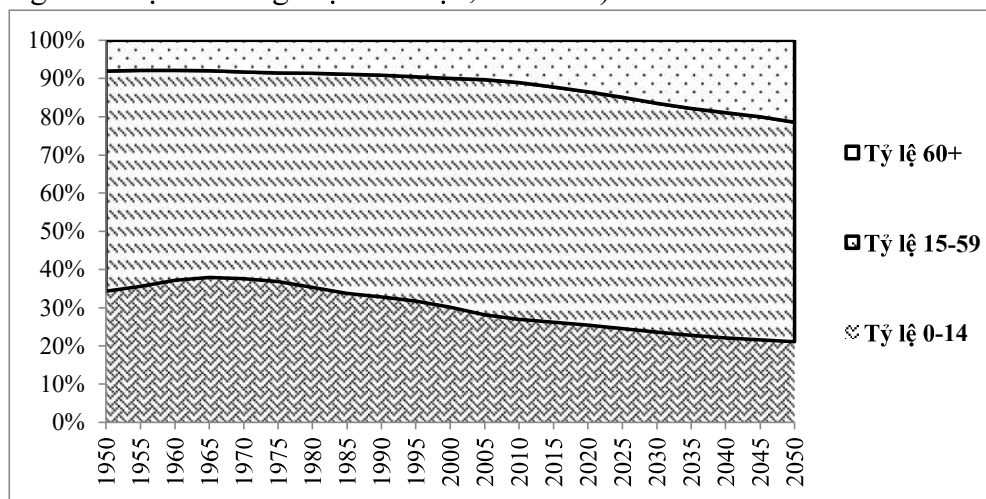
khăn trong việc so sánh các chỉ tiêu thống kê, ví dụ như xác định tỷ số hỗ trợ tiềm năng đối với người cao tuổi (người già) hay chông chéo quy định trong lĩnh vực lao động việc làm của người cao tuổi và người lao động. Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu, bài viết này không đi sâu vào phân tích dưới góc độ xây dựng luật, mà chỉ gợi mở hướng cần cải cách về lập pháp một cách nhất quán cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

Già hóa dân số trên thế giới, trong một quốc gia hay vùng lãnh thổ đặt ra rất nhiều vấn đề, kéo theo những thay đổi sâu rộng về nhu cầu và năng lực dân số, tác động đáng kể đến mọi mặt của xã hội như việc làm, tiết kiệm, tiêu dùng, tăng trưởng kinh tế, cân bằng tài khóa và chăm sóc sức khỏe cho tới cấu trúc gia đình và quan hệ giữa các thế hệ. Đối với mỗi cá nhân để tận dụng tối đa tuổi thọ của họ, sức khỏe tốt là điều cần thiết, đặc biệt là để duy trì sự độc lập và đóng một vai trò tích cực trong cuộc sống gia đình và cộng đồng. Bên cạnh những mặt tích cực,

già hóa dân số cũng đặt ra những thách thức về xã hội, y tế, an sinh xã hội, mà trước hết là vấn đề kinh tế (Piggott và Woodland, 2016). Đặc biệt, những vấn đề này càng trở nên cấp thiết nếu tốc độ già hóa quá nhanh, điều này đôi khi được gọi là “già hóa siêu tốc”. Vì vậy, để có thể hiểu rõ hơn già hóa dân số cũng như đề xuất các định hướng ứng phó với vấn đề già hóa cần nắm được xu hướng biến đổi của nó.

2. Xu hướng già hóa trên thế giới

Tuổi thọ dân số thế giới đã tăng 50% kể từ năm 1955, từ 47,0 tuổi lên 72,3 tuổi vào 2020 nhờ sự cải thiện trong chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng và công nghệ. Trong giai đoạn này, tổng tỷ suất sinh đã giảm xuống chỉ còn một nửa, từ 4,97 con xuống chỉ còn 2,47 con/phụ nữ. Và kết quả là dân số 60 tuổi trở lên¹ đã tăng nhanh chóng, chiếm tỷ trọng chỉ 8% năm 1950 tăng lên 12% vào năm 2015 (ở mức bắt đầu “già”) và dự báo sẽ lên tới 22% (tức bước vào thời kỳ “rất già”) vào năm 2050 (UN (2013, 2019)).



Hình 1. Biến động cơ cấu dân số theo nhóm tuổi giai đoạn 1950-2050

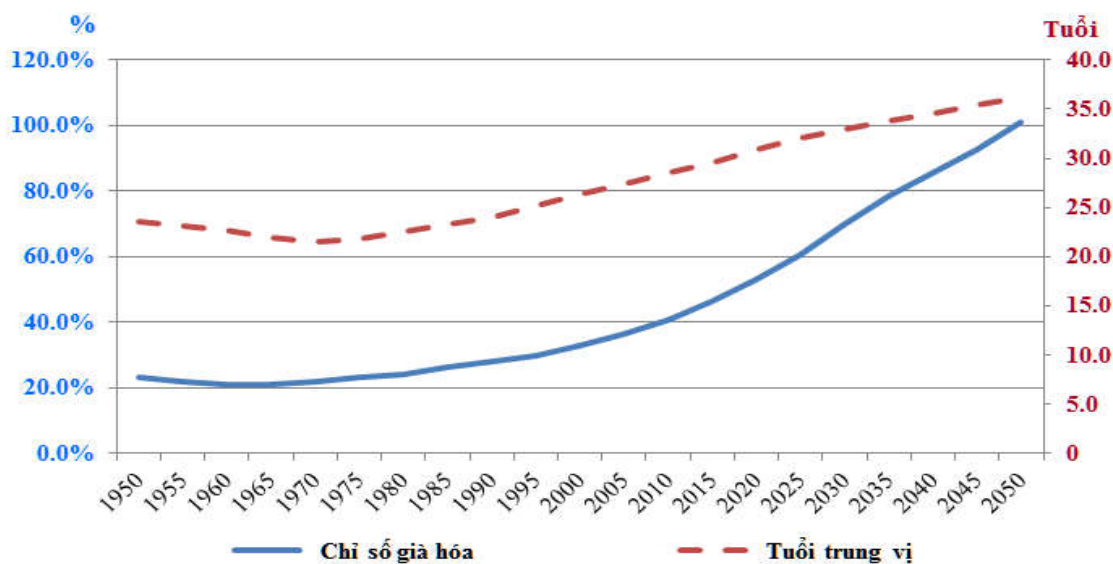
Nguồn: Xử lý số liệu từ United Nations (2019)

¹ Để tiện việc so sánh với dân số thế giới, trong phân tích này chúng tôi áp dụng ngưỡng người già là từ 60 tuổi trở

lên (UN, 2013), tuy hiện nhiều quốc gia coi dân số già là từ 65 tuổi trở lên (UN, 2019)

Đễ dàng nhận thấy, trong suốt giai đoạn 1950 - 2050, khi tỷ lệ dân số 15-59 tuổi ít biến động thì tỷ lệ dân số 60 tuổi trở lên của

thế giới biến đổi nhanh chóng với xu hướng ngày càng tăng và ngược lại, tỷ lệ dân số 0-14 tuổi ngày càng giảm (Hình 1).



Hình 2. Biến động Chỉ số già hóa và tuổi trung vị của dân số thế giới, giai đoạn 1950-2050

Nguồn: Xử lý số liệu từ United Nations (2019)

Số liệu cho thấy, Chỉ số già hóa hiện nay của Thế giới là 52,9%, tương đương với một người trên 60 tuổi thì có hai trẻ em từ 0-14. Tuy nhiên, đến cuối thời kỳ dự báo, tức chỉ khoảng trong vòng 30 năm tới, tương quan này biến đổi mạnh, và cứ một trẻ em từ 0-14 tuổi thì sẽ có một người từ 60 tuổi trở lên. Như vậy, nếu so với những năm 1950, chỉ số già hóa của thế giới đã tăng gấp hơn 4 lần (Hình 2).

Tương tự, khi xem xét chỉ số tuổi trung vị của dân số, xu hướng già hóa cũng được thể hiện rõ với việc gia tăng độ tuổi trung vị này. Nếu như năm 2020, tuổi trung vị của dân số thế giới mới ở mức 31 tuổi, thì đến năm 2050, độ tuổi này tăng lên thành 36,2 tuổi. Con số này có thể được hiểu rằng, vào năm 2050, cứ 2 người thì có một người trên 36 tuổi.

3. Thực trạng và xu hướng già hóa dân số ở Việt Nam

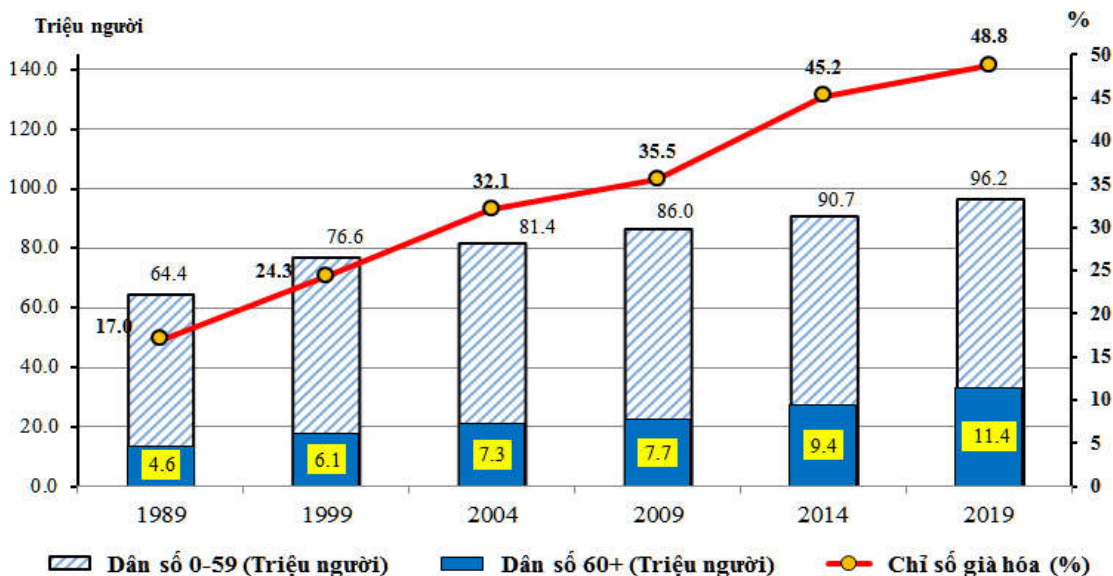
Trong 30 năm qua, mức sinh của của Việt Nam đã giảm đáng kể, Tổng tỷ suất sinh giảm từ 3,8 con/ phụ nữ vào năm 1989 xuống còn 2,03 vào năm 2009 và 2,09 vào năm 2019 và duy trì ổn định trong hơn một thập kỷ qua (Tổng cục Thống kê, 2019). Theo công bố của Tổng cục Thống kê thì tổng tỷ suất sinh của Việt Nam đã đạt mức sinh thay thế (2,1 con/phụ nữ) từ năm 2005 (Tổng cục Thống kê, 2016a). Đồng thời, tuổi thọ trung bình của người Việt Nam liên tục tăng, từ 65,2 tuổi năm 1989 lên 73,6 tuổi năm 2019 (Tổng cục Thống kê, 2019), tức tăng thêm khoảng 7,4 tuổi. Giảm mức sinh và tăng tuổi thọ kéo theo già hóa dân số ở Việt Nam. Theo kết quả điều tra giữa kỳ năm 2014 của Tổng cục Thống kê, số người từ 60 tuổi trở lên đạt 9,4 triệu so với quy mô

dân số là 90,7 triệu, tương đương 10%, điều này có nghĩa là Việt Nam đã bắt đầu bước vào ngưỡng dân số già hóa. Quá trình này được biểu hiện rõ nét ở một số điểm sau:

Chỉ số già hóa có xu hướng tăng lên nhanh chóng và khác biệt theo vùng miền.

Nếu năm 1989 chỉ số này rất thấp, chỉ đạt 17,0%, thì đến năm 2019 lên tới 48,8%, tăng 31,8 điểm phần trăm và có xu hướng

tiếp tục tăng lên trong những năm sắp tới (Tổng cục Thống kê, 2014, 2019). Hơn nữa, tốc độ già hóa tăng nhanh hơn nhiều so với tốc độ tăng quy mô dân số. Nếu như trong suốt giai đoạn 1989-2019, tốc độ già hóa tăng gấp gần 3 lần thì quy mô dân số chỉ tăng gấp 1,5 lần (từ 64,4 triệu người lên 96,2 triệu) (Hình 3).



Hình 3. Biến động quy mô dân số và chỉ số già hóa của Việt Nam, 1989-2019

Nguồn: Xử lý từ số liệu của Tổng cục Thống kê (2004, 2013, 2014, 2019)

Phân tích già hóa theo vùng kinh tế của Việt Nam cho thấy, Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng là hai vùng có chỉ số già hóa cao nhất cả nước (tương ứng là 58,5% và là 57,4%, năm 2019). Tây Nguyên là nơi có chỉ số già hóa thấp nhất so với các vùng còn lại trên cả nước (28,1%).

Bảng 1 cho thấy, không có sự khác biệt lớn về Chỉ số già hóa giữa nông thôn và thành thị trên bình diện cả nước, song với 2/3 dân số ở nông thôn (Tổng cục Thống kê, 2019), dẫn đến phần lớn người cao tuổi sinh sống ở nông thôn. Tuy nhiên, có sự phân biệt theo vùng miền. Trung du và miền núi

phía Bắc và Tây Nguyên là hai nơi có chỉ số già hóa ở thành thị cao hơn nhiều so với ở nông thôn, tương ứng là 15,4 điểm phần trăm và 10,7 điểm phần trăm.

Gia tăng tuổi trung vị và có sự khác biệt theo khu vực nông thôn thành thị.

Kết quả dự báo dân số của Tổng cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc (Tổng cục Thống kê, 2016b), cho thấy, gắn liền với quá trình già hóa dân số nhanh chóng này là sự gia tăng của tuổi trung vị từ 29,8 tuổi vào năm 2014 lên 38,0 tuổi vào năm 2034 và 40,5 tuổi vào năm 2049. Nói một cách khác, đến năm 2049, cứ hai người dân Việt Nam thì có một người trên 40,5 tuổi. Có sự

khác biệt rất lớn về tuổi trung vị giữa thành thị và nông thôn, tương ứng 36,3 tuổi và 47,1 tuổi vào năm 2049. Điều này cho

thấy, già hóa ở nông thôn cao hơn nhiều so với thành thị.

Bảng 1. Chỉ số già hóa theo vùng kinh tế - xã hội năm 2019, %

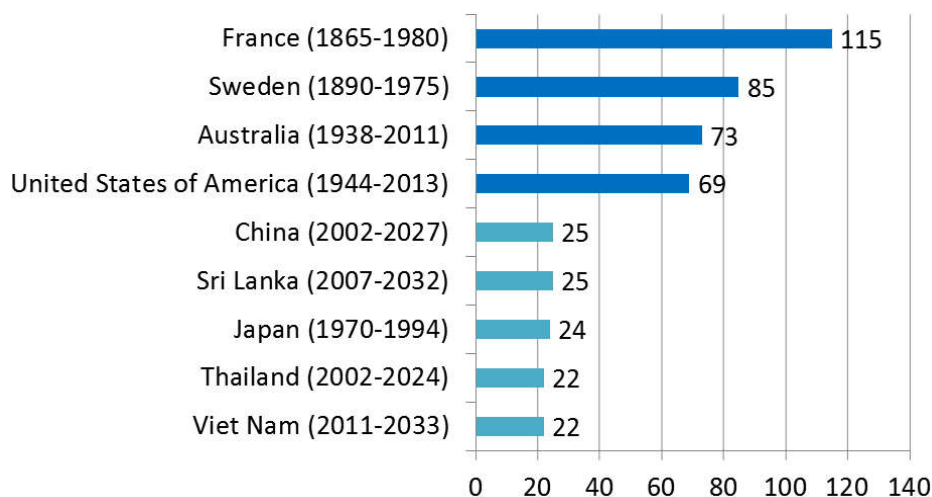
Vùng	Tổng số	Thành thị	Nông thôn
Toàn quốc	48,8	50,8	47,9
Trung du và miền núi phía Bắc	36,3	49,1	33,7
Đồng bằng sông Hồng	57,4	56,4	58,0
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	52,2	50,8	52,7
Tây Nguyên	28,1	36,1	25,4
Đông Nam Bộ	42,8	45,3	39,2
Đồng bằng sông Cửu Long	58,5	60,3	57,9

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2019)

Tốc độ già hóa dân số nhanh, thời gian để thích ứng cho một xã hội già ngắn.

Nhiều quốc gia phát triển đã bước vào quá trình già hóa rất sớm, từ cuối thế kỷ 19, như Pháp, Thụy Điển, và số năm để dân số của các quốc gia này chuyển sang già cũng khá dài, tức là họ có thời gian để chuẩn bị cho một xã hội già. Nhật Bản, tuy chỉ có 24 năm để chuẩn bị cho xã hội già, nhưng khi bước vào giai đoạn xã hội dân số già thì quốc gia này đã có nền kinh tế phát triển. Việt Nam

và Thái Lan cũng chỉ có khoảng 22 năm để chuẩn bị đối phó với một xã hội chuyển từ già hóa sang già, song Thái Lan là nước có kinh tế đang phát triển nhanh với thu nhập trung bình, trong khi đó Việt Nam vẫn ở giai đoạn kinh tế mới phát triển (quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp), kéo theo bị hạn chế về thời gian, nguồn lực cũng như cơ hội điều chỉnh các chính sách thích ứng với nhu cầu của một xã hội già (Hình 4).

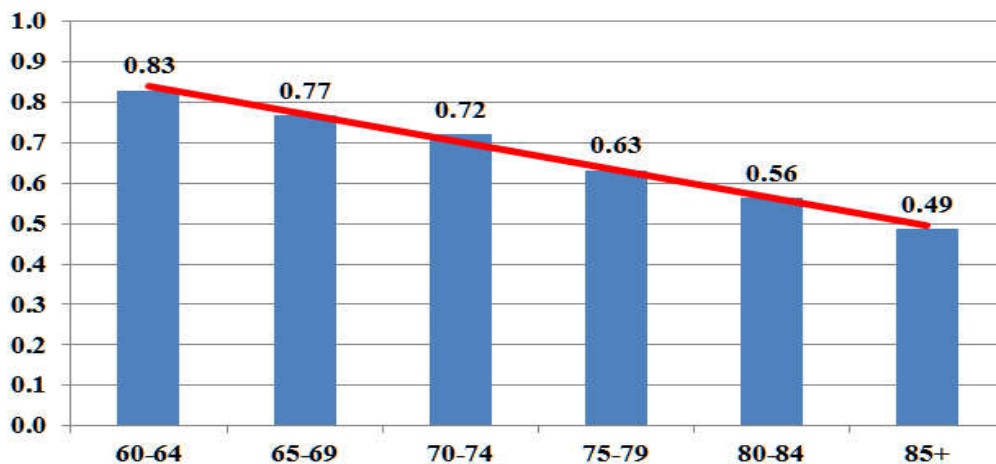


Hình 4. Số năm chuyển từ già hóa sang già của một số quốc gia và Việt Nam

Nguồn: ESCAP (2017)

“Nữ hóa” dân số cao tuổi. Xem xét mức già hóa dân số theo giới tính, kết quả cho thấy tỷ số giới tính (Số nam/100 nữ) có xu hướng giảm khi độ tuổi ngày càng cao, tức là số cụ ông luôn thấp hơn số cụ bà ở nhóm người cao tuổi. Nếu như ở nhóm tuổi

60-65, cứ 100 cụ bà có 83 cụ ông thì tới nhóm từ 85 tuổi trở lên, con số này giảm chỉ còn 49 cụ ông (Hình 5). Với xu hướng “*nữ hóa*” dân số cao tuổi đòi hỏi các nhà lãnh đạo cần chú ý tới vấn đề này khi khi hoạch định chính sách cho người cao tuổi như an sinh xã hội hay chăm sóc sức khỏe, ...



Hình 5. Tỷ số giới tính của người cao tuổi ở Việt Nam, năm 2019

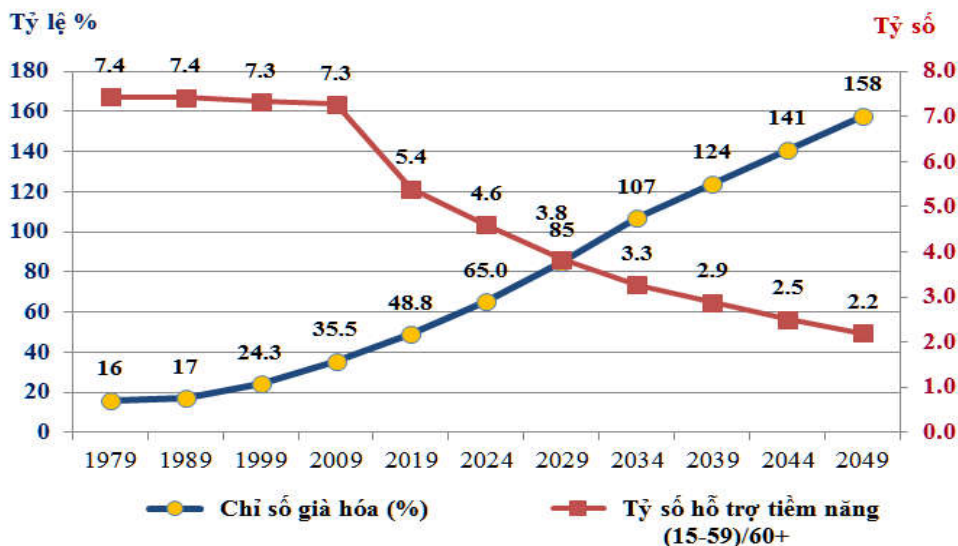
Nguồn: Xử lý từ số liệu của Tổng cục Thống kê (2019)

Tỷ số giới tính nam/ nữ giảm xuống khi độ tuổi ngày càng cao, không chỉ riêng ở Việt Nam, đây cũng là xu hướng chung trên thế giới. Nguyên nhân có thể lý giải cho xu hướng này là do tuổi thọ của nam giới thấp hơn nữ, mặt khác, tỷ suất chết của nam giới cao tuổi thường cao hơn nữ ở cùng nhóm tuổi. Một hệ quả khác của tỷ lệ tử vong ở phụ nữ thấp hơn là tỷ lệ nữ là góa phụ, sống mà không có sự hỗ trợ của chồng tăng lên theo nhóm tuổi.

Chỉ số già hóa sẽ tăng lên nhanh chóng và tỷ số hỗ trợ tiềm năng giảm mạnh. Nghiên cứu về già hóa dân số thường được thúc đẩy bởi mối quan tâm về gánh nặng mà nó gây ra đối với phát triển kinh tế. Các nhà nhân khẩu học sử dụng tỷ số của nhóm dân số cao tuổi so với dân số đang hoạt động kinh tế, còn được gọi là tỷ

số phụ thuộc tuổi già. Tỷ số này cũng được sử dụng để đánh giá sự chuyển giao giữa các thế hệ, chính sách thuế và hành vi tiết kiệm. Một cách nhìn khác giúp dễ giải thích tác động của phụ thuộc già, đó là sử dụng Tỷ số hỗ trợ tiềm năng đối với nhóm người già, tỷ số này chính là nghịch đảo của tỷ số phụ thuộc tuổi già.

Hình 6 cho thấy, chỉ số già hóa sẽ vượt ngưỡng 100 vào khoảng năm 2032. Đây là thời điểm Việt Nam bắt đầu có dân số cao tuổi nhiều hơn dân số trẻ em. Dự báo dân số của Tổng cục Thống kê cũng cho thấy, tỷ số hỗ trợ tiềm năng giảm nhanh chóng theo thời gian. Nếu năm 2009, cứ hơn 7 người trong độ tuổi lao động sẽ hỗ trợ 1 người cao tuổi thì đến năm 2049, tỷ số này chỉ là 2, tức là giảm hơn 3 lần và tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên dự kiến sẽ chiếm 24,8% tổng dân số.

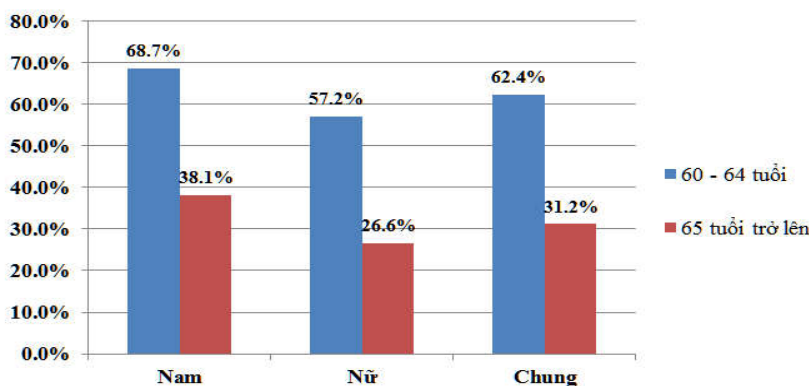


Hình 6. Xu hướng biến động Chỉ số già hóa và Tỷ số hỗ trợ tiềm năng già của Việt Nam, giai đoạn 1979-2049

Nguồn: UNFPA Vietnam (2011), Tổng cục Thống kê (2019)

Tỷ lệ người cao tuổi tiếp tục tham gia lực lượng lao động khá cao. Trên thực tế, người cao tuổi tiếp tục tham gia lao động và tỷ lệ này khá cao. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê (2020) trong tổng số người cao tuổi (từ 60 trở lên), có 4,8 triệu người đang tham gia lực lượng lao động (LLLĐ), chiếm 42,1%. Nhóm dân số 60-64 tuổi tham gia LLLĐ chiếm 62,4%. Đáng lưu ý, 31,2% số người từ 65 tuổi trở lên vẫn tiếp tục tham gia LLLĐ. Nam giới cao tuổi tham gia

LLLĐ nhiều hơn nữ ở cả hai nhóm tuổi 60-64 và 65 tuổi trở lên, với sự khác biệt lên tới khoảng 10 điểm phần trăm (Hình 7). Điều này cho thấy, người cao tuổi vẫn tham gia tạo ra của cải vật chất chứ không phải đơn thuần hoàn toàn là “phụ thuộc” hay “gánh nặng” của xã hội. Từ một góc nhìn khác, do thiếu hụt các nguồn thu nhập đảm bảo cuộc sống bắt buộc người cao tuổi vẫn phải tiếp tục tìm kiếm việc làm. Đây cũng là vấn đề nóng mà Việt Nam đang gặp phải khi “chưa giàu đã già” (An Nguyên (2013).

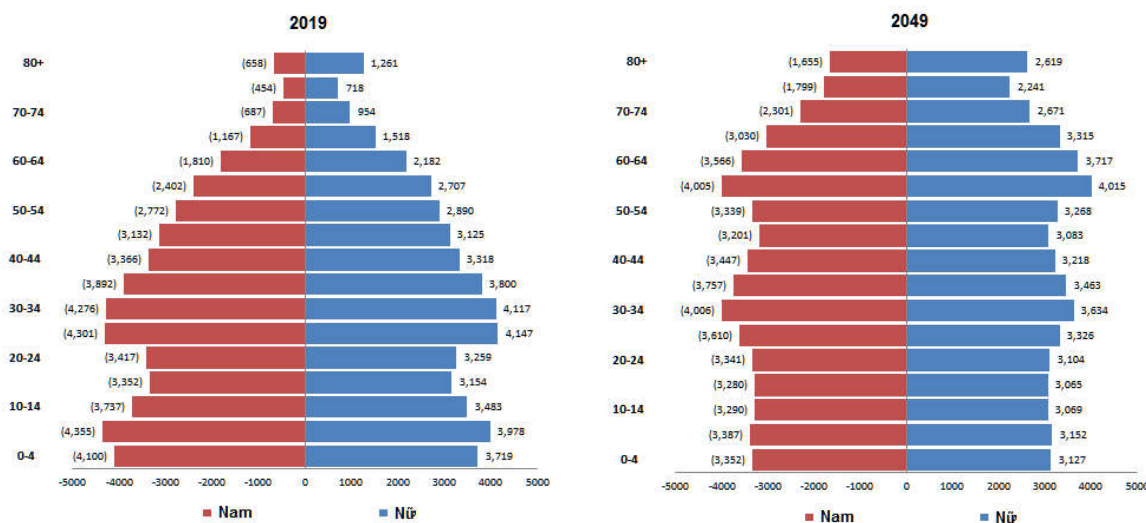


Hình 7. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của người cao tuổi theo nhóm tuổi, 2019

Nguồn: Xử lý từ số liệu của Tổng cục Thống kê, (2020)

Dân số Việt Nam đang già đi ở những nhóm cao tuổi nhất. Xu hướng già hóa dân số ở Việt Nam được biểu hiện rất rõ thông qua hình dạng của tháp dân số. So sánh biến đổi dân số năm 2049 và 2019 cho thấy có sự khác biệt khá lớn. Ở phần đáy tháp, cơ cấu tuổi nhóm trẻ em của năm 2049 (ước tính theo phương án mức sinh trung bình) khá đồng đều, ngược hẳn so với năm 2019, cho thấy nhóm trẻ em 5-9 tuổi bị thu hẹp hơn. Ở phần giữa tháp năm 2049 so với năm 2019 cũng xuất hiện xu hướng thu hẹp.

Đáng chú ý, phần trên của tháp lại mở rộng rất lớn. Các thanh biểu thị các nhóm tuổi từ 55-60 cho đến hết phần đỉnh tháp năm 2049 vẫn tiếp tục được mở rộng không ngừng. Điều này cho thấy xu hướng dân số Việt Nam đang già đi nhanh chóng và xu hướng này sẽ tiếp diễn trong tương lai. Các thanh đại diện nhóm cao tuổi từ 65-70 tiếp tục mở rộng. Đặc biệt, nhóm cao tuổi nhất 80+ tăng mạnh, điều này một lần nữa cho thấy, dân số Việt Nam đang già đi ở những nhóm cao tuổi nhất (Hình 8).



Hình 8. Tháp tuổi dân số 2019 và 2049

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Quỹ Dân số LHQ (2016), Tổng cục Thống kê (2019)

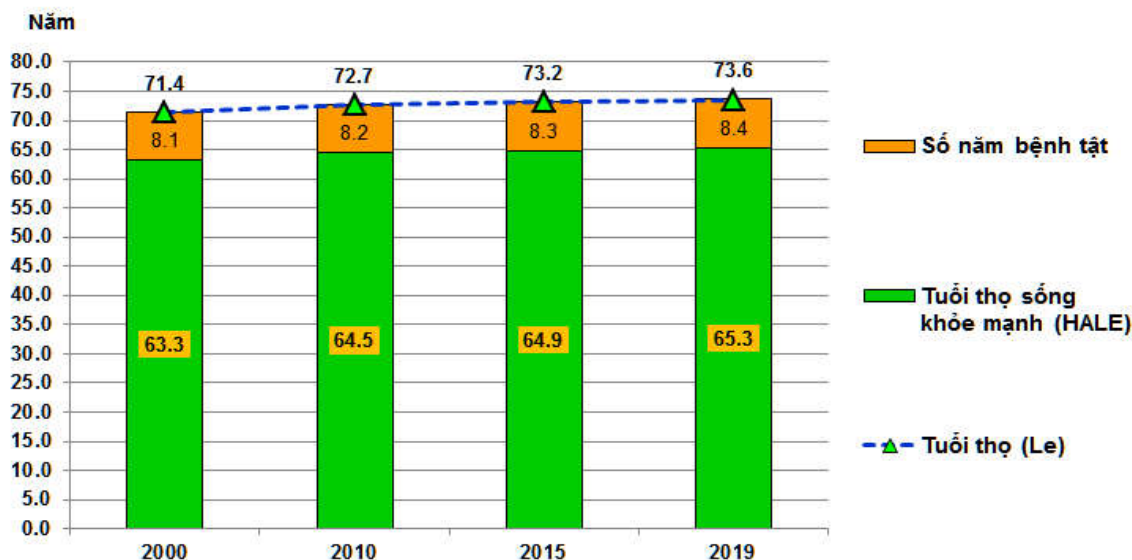
Dưới góc độ kinh tế, từ tháp dân số cho thấy, những thanh biểu thị nhóm dân số trong độ tuổi lao động (15-60), nhóm được coi là hỗ trợ tiềm năng, của năm 2049 cũng có xu hướng hẹp lại so với năm 2019. Như vậy, một mặt, nhóm dân số cao tuổi ngày càng chiếm tỷ lệ tăng cao, mặt khác, ngược lại, tỷ lệ nhóm dân số hỗ trợ tiềm năng lại có xu hướng giảm dần, điều này tất yếu dẫn tới sự thiếu hụt nhân lực trong việc tạo ra của cải vật chất để góp phần giải quyết vấn đề dân số già.

Tuổi thọ tăng cao, số năm sống khỏe mạnh được cải thiện nhưng vẫn còn thấp. Tuổi thọ cao hơn không có nghĩa là mọi người được hưởng tuổi thọ khỏe mạnh hơn hoặc không bị khuyết tật. Chính vì vậy, việc lượng hóa tuổi thọ được điều chỉnh theo sức khỏe (Healthy life expectancy - HALE) là rất quan trọng, tức số năm kỳ vọng trung bình mà một người có thể sống khỏe mạnh mà không có bệnh hoặc thương tật (WHO (2004).

Năm 2019, HALE ở Việt Nam ước tính chỉ là 65,3 tuổi, số năm sống không khỏe

mạnh trung bình là 8,4 năm. Những ước tính này góp phần vào lập luận rằng sự gia tăng tuổi thọ đã đi kèm với sự gia tăng tỷ lệ mắc bệnh và đặc biệt là tình trạng khuyết tật. Dân số Việt Nam đang sống thọ hơn, nhưng cũng sống lâu hơn với bệnh tật, tàn

phế và phụ thuộc vào sự chăm sóc của người khác. Tuy nhiên, có tín hiệu tích cực rằng, trong vòng 20 năm qua, tuổi thọ người Việt tăng thêm khoảng 2,2 tuổi nhưng số năm sống trong bệnh tật chỉ tăng thêm 0,3 năm (Hình 9).



Hình 9. Tuổi thọ và Tuổi thọ sống khỏe mạnh ở Việt Nam, giai đoạn 2000-2019

Nguồn: Xử lý từ số liệu của Tổ chức Y tế thế giới (2020)

4. Kết luận, hàm ý chính sách và luận bàn

4.1. Kết luận

Già hóa dân số đang diễn ra nhanh chóng ở nhiều nước công nghiệp phát triển, nhưng các nước đang phát triển có mức sinh giảm cũng bắt đầu sớm bước vào quá trình già hóa và đang có tỷ lệ người cao tuổi tăng nhanh, trong đó Việt Nam cũng không ngoại lệ. Mô hình này dự kiến sẽ tiếp tục, cuối cùng sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ thế giới.

Già hóa dân số đang trở thành một trong những chủ đề được quan tâm không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới. Già hóa dân số sẽ tác động đến hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội bao gồm: thị trường lao động, tài chính, nhu cầu về các hàng hóa, dịch vụ, giáo dục, an sinh xã hội, chăm

sóc sức khỏe cho người cao tuổi, ... (Tổng cục Thống kê, 2019).

Già hóa dân số ở Việt Nam có một số đặc điểm đáng chú ý sau:

- Tốc độ già hóa dân số nhanh, Việt Nam phải đối mặt với thách thức kép để thích ứng với xã hội già hóa khi thời gian chuyển sang xã hội già rất ngắn trong bối cảnh hiện vẫn chỉ là quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp.

- Già hóa tăng trưởng nhanh nhất xảy ra ở các nhóm tuổi già nhất (80 tuổi trở lên). Nói cách khác, già hóa dân số đang ngày càng trở nên “sâu sắc hơn”, với sự tích lũy nhanh chóng không cân đối của những người đặc biệt già yếu;

- Già hóa dân số đặc biệt nhanh ở phụ nữ, dẫn đến “nữ hóa” dân số cao tuổi (vì tỷ lệ tử vong ở phụ nữ thấp hơn). Một hệ quả

khác của tỷ lệ tử vong ở phụ nữ thấp hơn là thực tế tỷ lệ nữ là góa phụ, sống mà không có sự hỗ trợ của chồng;

- Già hóa dân số cũng gây ra những thay đổi trong cách sắp xếp cuộc sống, dẫn đến ngày càng có nhiều người cao tuổi góa hay sống một mình;

- Do người cao tuổi thường có thu nhập thấp hơn và tỷ lệ họ sống dưới mức nghèo cao hơn những nhóm dân số khác nên già hóa dân số đi kèm với đói nghèo. Người cao tuổi vẫn phải tiếp tục tham gia thị trường lao động ngay cả khi rất già;

- Có sự khác biệt về mức độ già hóa giữa các vùng miền và theo thành thị, nông thôn. Người cao tuổi vẫn chủ yếu sống tại nông thôn, làm nông nghiệp.

- Tuổi thọ và tuổi thọ sống khỏe mạnh đã được cải thiện, tuy nhiên thời gian sống với bệnh tật còn tương đối cao.

4.2. Hàm ý chính sách

Tại Việt Nam, vấn đề già hóa đang đặt ra thách thức khi tốc độ già hóa nhanh trong bối cảnh nước ta vẫn là một quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp. Vì vậy, cần có những chính sách để đảm bảo thích ứng với già hóa dân số, cụ thể:

- Cải thiện công tác chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi và hệ thống an sinh xã hội, chính sách lao động cho người cao tuổi nhưng vẫn đang tham gia hoạt động kinh tế giúp giải quyết các vấn đề về xã hội, nâng cao mức sống, góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất hàng hóa, dịch vụ, tăng quy mô sản xuất (Ban chấp hành Trung ương Đảng, 2017);

- Cần tiếp tục thực hiện, rà soát và điều chỉnh các chính sách liên quan vừa để đảm bảo quy mô dân số hợp lý, vừa tránh các mâu thuẫn không đáng có trong việc thực thi (đơn cử như Luật Người cao tuổi và Luật Lao động sửa đổi về độ tuổi nghỉ hưu);

- Tuyên truyền về già hóa dân số cần mạnh mẽ hơn để nâng cao nhận thức của xã hội, người dân chủ động hơn trong việc chuẩn bị cho tuổi già (Tổng cục Thống kê, 2019);

- Khi đề xuất, hoạch định các chương trình, hoạt động đối với người cao tuổi, đặc biệt là các can thiệp an sinh xã hội, phải cân nhắc yếu tố giới phù hợp thích ứng với xu hướng “nữ hóa” dân số già;

- Tiếp tục đẩy mạnh các nghiên cứu chuyên sâu về Dân số và phát triển, đa ngành đa lĩnh vực (trong đó bao trùm các vấn đề già hóa dân số kết hợp với Y học, Kinh tế, Toán học ...vv), và học hỏi các kinh nghiệm của các quốc gia thích ứng già hóa thành công.

4.3. Một vài ý kiến bàn luận và hạn chế

Mặc dù già hóa dân số là một thành tựu của nhân loại (sống thọ đã trở thành sự việc bình thường), nhưng nó cũng đặt ra những thách thức sâu sắc đối với các chính phủ, tổ chức công phải thích ứng với cơ cấu tuổi thay đổi.

Bất kỳ dự báo nào cũng không chắc chắn chính xác. Bên cạnh việc giảm sinh thì tỷ lệ tử vong do tuổi già giảm nhanh chóng đã làm gia tăng đáng kể quá trình già hóa dân số và đây cũng là yếu tố nhân khẩu học quan trọng trong việc dự báo quy mô và cơ cấu dân số cao tuổi trong tương lai. Tuy nhiên, những bất ổn của hiện tại và tương lai về việc thay đổi mức chết có thể tạo ra những dự báo khác nhau đối với quy mô và cơ cấu dân số già trong tương lai (Ví dụ tác động của đại dịch COVID 19).

Việc tính toán tỷ số phụ thuộc già (tỷ số dân số 60+ so với nhóm 15-59) hay tỷ số hỗ trợ tiềm năng cho người già trong phân tích này hoàn toàn theo quy ước. Trên thực tế, những nghiên cứu chuyên sâu khi

sử dụng phương pháp Tài khoản chuyển nhượng quốc gia (NTA - National Transfer Account), theo Cutler và cộng sự (1990), có thể giúp lượng hóa một cách chính xác đóng góp của cơ cấu tuổi đối với phát triển kinh tế. Khi áp dụng NTA sẽ cho kết quả rất khác về tỷ số phụ thuộc già, đơn cử như năm 2014, độ tuổi tạo ra thặng dư vòng đời chỉ là từ 22 đến 54 tuổi (thay vì 15-59 như theo quy ước), trong khi độ tuổi tạo ra thâm hụt là từ 0 đến 21 tuổi và từ 55 đến 90 tuổi (tức nhóm cao tuổi phụ thuộc thực tế là từ 55 tuổi trở lên) (UNFPA và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2016). Do đó, tỷ số hỗ trợ tiềm năng người già sẽ thấp hơn nhiều so với ước tính trong phân tích này. Tuy nhiên, phương pháp này đòi hỏi phải có thông tin dữ liệu về thu nhập và chi tiêu chính xác của từng độ tuổi và kỹ thuật phân tích không đơn giản.

Một yếu tố không thể bỏ qua khi xem xét biến động cơ cấu tuổi, đó chính là di cư. Trong một tập hợp dân số, nếu nhóm di cư thuần dương (nhập cư) chủ yếu là những người trẻ hơn tuổi trung vị sẽ làm trẻ hóa dân số, điều này cũng tương đương nhóm xuất cư là những người có độ tuổi cao hơn tuổi trung vị và ngược lại. Tuy nhiên, tỷ suất di cư thuần túy của Việt Nam rất nhỏ, không đáng kể và cũng không có con số chính thức trong các báo cáo thống kê (Tổng cục Thống kê, 2019). Chính vì vậy, khi xem xét thực trạng và xu hướng già hóa dân số ở Việt Nam hiện bỏ qua tác động của yếu tố di cư này.

Khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn dữ liệu làm hạn chế đáng kể kết quả phân tích, không cho phép đề cập tới những khía cạnh chuyên sâu hơn của già hóa như sức khỏe, thu nhập, lao động việc làm, điều kiện sống, học vấn, mô hình bệnh tật cũng như thụ hưởng các chính sách an sinh xã

hội, ... của người cao tuổi.

Tài liệu tham khảo

- An Nguyễn (2013). Cơ hội dân số “vàng” chỉ có một lần. *Báo Nhân dân điện tử*, <https://nhandan.com.vn/tin-tuc-y-te/co-hoi-dan-so-vang-chi-co-mot-lan-186549/> truy cập ngày 15/3/2015.
- Ban chấp hành Trung ương Đảng (2017). *Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 tại Hội nghị Trung ương lần thứ 6 khóa XII của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới*.
- Bloom, D.E, Canning, D. and Fink G. (2010). Implications of population ageing for economic growth. *Oxford Review of Economic Policy*, 26 (4): 583–612.
- Bloom, D.E., and Luca, D.L. (2016). *The Global Demography of Aging: Facts, Explanations, Future*. The Institute for the Study of Labor (IZA), Discussion Paper No. 10163.
- Cutler, D. M., Poterba, J. M., Sheiner, L.M, and Summers, L. H., (1990). An aging society: Opportunity or Challenge? *The Brookings Papers on Economic Activity*, 1990(1): 1-73. <http://www.jstor.com/stable/2534525>
- ESCAP (2017). *Addressing the Challenges of Population Ageing in Asia and the Pacific: Implementation of the Madrid International Plan of Action on Ageing*. The United Nations Economic and Social Commission for Asia and the Pacific (ESCAP) Working Paper, The report was launched on 12 September 2017, on the occasion of the Asia-Pacific Intergovernmental Meeting on the Third Review and Appraisal of the

- Madrid International Plan of Action on Ageing, held in Bangkok from 12 – 14 September 2017
- Piggott, J. and Woodland, A. (Eds) (2016). *Handbook of the Economics of Population Aging*. North-Holland.
- Quốc hội (2009). *Luật số 39/2009/QH12 của Quốc hội: Luật người cao tuổi* (đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 23 tháng 11 năm 2009).
- Quốc hội (2019). *Luật số 45/2019/QH14 của Quốc hội: Luật lao động* (đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2019).
- Shrestha, L.B. (2000). Population aging in developing countries, The aging male. *Health Affairs*, 19 (3): 204-212. <https://doi.org/10.1080/13685530008500327>
- Skirbekk, V.F., Staudinger, U.M., and Cohen, J.E (2019). How to Measure Population Aging? The Answer Is Less than Obvious: A Review. *Gerontology* 65 (2): 136–144. doi:10.1159/000494025
- Tổng cục Thống kê (2004, 2013), *Kết quả Điều tra biến động DS-KHHGD 2004, 2013*.
- Tổng cục Thống kê (2014), *Kết quả điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ Việt Nam 2014*.
- Tổng cục Thống kê, Quỹ Dân số LHQ (2016a), *Chuyên khảo mức sinh*.
- Tổng cục Thống kê, Quỹ Dân số LHQ (2016b), *Dự báo Dân số Việt Nam 2014-2049*. Nhà xuất bản Thông tấn, 2016. Trang 70.
- Tổng cục Thống kê (2019), *Kết quả Tổng điều tra Dân số và Nhà ở - Thời điểm 0 giờ ngày 1 tháng 4 năm 2019*. Nhà xuất bản Thống kê, 12/2019.
- Tổng cục Thống kê (2020), *Báo cáo Điều tra Lao động việc làm Quý IV-2020*
- UNFPA Vietnam (2011), *Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam: Thực trạng, dự báo và một số khuyến nghị chính sách*. Ha Noi: UNFPA.
- UNFPA và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2016). *Tác động của biến đổi cơ cấu tuổi dân số đến nền kinh tế Việt Nam và đề xuất chính sách*.
- UN (2013). *World population ageing 2013*. Page xii.
- UN (2019). *World Population Prospects: The 2019 Revision*. Population Division, Department of Economic and Social Affairs.
- WHO (2004). *World Health Report 2004: Changing History*.
- WHO (2020). *Life expectancy and Healthy life expectancy, Data by country*, <https://apps.who.int/gho/data/node.main.688>, truy cập ngày 3.3.2021